Người ký: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 25.09.2019 11:15:13 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2013/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 12 năm 2013*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH T.QUANG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 141
Ngày 12 tháng 01 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về Cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chuyển giao Công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2013 về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 160/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định Cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1- Đối tượng áp dụng:

1.1- Doanh nghiệp, doanh nhân, cá nhân

- Doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Tuyên Quang.

- Doanh nhân là người Việt Nam hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang.

- Cá nhân có các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tuyên Quang.

- Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nhân trong cùng một nội dung hỗ trợ; trường hợp đã hỗ trợ cho doanh nhân thì không hỗ trợ cho doanh nghiệp *(nếu doanh nhân đó là đối tượng quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 17 Điều 4, Luật Doanh nghiệp)*. Doanh nghiệp, doanh nhân được hỗ trợ 01 lần cho 01 nội dung trong năm, trường hợp cùng nội dung đủ điều kiện được nhận nhiều mức hỗ trợ, doanh nghiệp, doanh nhân được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất.

1.2- Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nhân là người nước ngoài.

2- Hoạt động được hỗ trợ

2.1- Nghiên cứu khoa học *(đề tài, dự án cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp cơ sở)*; ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ tiên tiến.

2.2- Chuyển giao công nghệ; đổi mới, cải tiến công nghệ; ươm tạo công nghệ để chuyển giao.

2.3- Xác lập quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp ở trong và ngoài nước: Thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu.

2.4- Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy.

2.5- Những nội dung khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ không quy định tại Quy định này áp dụng theo quy định tại Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

3- Nội dung, định mức hỗ trợ

3.1- Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, tư vấn và cung cấp thông tin, đào tạo gồm:

- Tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước; tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước; giới thiệu tổ chức tư vấn, nhà cung cấp, chuyên gia, tư vấn lựa chọn công nghệ; giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu để các doanh nghiệp, doanh nhân lựa chọn các giải pháp công nghệ; thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân các nội dung: Văn bản quy phạm pháp luật; kỹ năng lựa chọn, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng; kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, tài chính, nhân sự; quản lý sản xuất.

3.2- Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Ưu tiên cho doanh nghiệp, doanh nhân thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp tỉnh thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

- Hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí chi cho việc thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

3.3- Hỗ trợ đổi mới công nghệ

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí đổi mới công nghệ thông qua hợp đồng *(giá trị trên 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị trên 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 15%, tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 300 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hỗ trợ đến 20%, tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp).*

- Hỗ trợ đến 40% chi phí cho nghiên cứu, thiết kế mô phỏng các thiết bị công nghệ theo công nghệ nhận chuyển giao phục vụ đổi mới công nghệ *(tối đa 1 công nghệ/1 tổ chức, cá nhân và không quá 50 triệu đồng/công nghệ).*

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí dự án đổi mới một phần, cải tiến công nghệ, áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích *(giá trị trên 1 tỷ đồng trở lên hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hỗ trợ đến 15% giá trị dự án, tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng hỗ trợ đến 20% giá trị dự án, tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp).*

- Hỗ trợ đến 50% kinh phí xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn *(tối đa 1 mô hình/1 tổ chức, cá nhân, không quá 70 triệu đồng/mô hình).*

- Chuyển giao không thu phí các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách của tỉnh cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ.

- Hỗ trợ đến 70% kinh phí đánh giá công nghệ, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao *(tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp/năm).*

3.4- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong nước *(10 triệu đồng để đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; 3 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp, tối đa 03 kiểu dáng công nghiệp/1 doanh nghiệp/năm; 2 triệu đồng/nhãn hiệu, tối đa 05 nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ/1 doanh nghiệp/năm).*

- Xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài: Hỗ trợ 100% lệ phí quốc gia đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá hoặc kiểu dáng công nghiệp *(lệ phí đăng ký và lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo hộ)* tại nước chỉ định đăng ký *(tối đa không quá 15 triệu đồng/doanh nghiệp/năm và 2 đối tượng/quốc gia).*

3.5- Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp kinh phí xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 2700, HACCP và các tiêu chuẩn khác.

- Hỗ trợ 2 triệu đồng/doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

- Hỗ trợ 5 triệu đồng/doanh nghiệp xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 5 triệu đồng/sản phẩm để đánh giá chứng nhận, công bố hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận, công bố hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu. Hỗ trợ không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp.

4- Nguồn vốn hỗ trợ:

- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế hằng năm;

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh;

- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sáng Vang

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban ngành liên quan;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.